

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM
VÀ DỊCH VỤ SÀI GÒN**

*Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
đã được kiểm toán*

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 1452, ngày 23/5/2013

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 18
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 18

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn tiền thân là Doanh nghiệp nhà nước "Công ty Thực phẩm Sài Gòn", được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 3873/QĐ-UBND ngày 23 tháng 08 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006791 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22 tháng 05 năm 2007 và sửa đổi lần thứ 8 ngày 24 tháng 05 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty tại số 216 Quốc lộ 1K, Phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Liêm	Chủ tịch
Ông Võ Văn Bốn	Thành viên
Ông Đỗ Trọng Hùng	Thành viên
Ông Đỗ Thành Duy	Thành viên
Ông Huỳnh Ngọc Định	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Thành Duy	Tổng Giám đốc
Ông Võ Văn Bốn	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

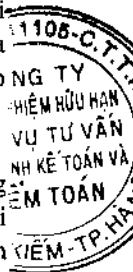
Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hồ Chí Minh
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2013





Số: 452./2013/BC.KTTC-AASC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn*

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn được lập ngày 20 tháng 3 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 6 đến trang 18 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thử nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của kiểm toán viên

- Tại thời điểm 31/12/2012, số vốn điều lệ tương ứng với số phải thu từ Quỹ sắp xếp Doanh nghiệp theo Biên bản xác định giá trị phần vốn nhà nước chưa thu được trên khoản mục Phải thu về cổ phần hóa, số tiền 2.534.765.971 VND (chi tiết Thuyết minh số 4).
- Công ty đang theo dõi quỹ lương chi vượt từ giai đoạn trước cổ phần hóa trên khoản mục Các khoản phải thu ngắn hạn khác với số tiền 1.357.319.853 VND (chi tiết Thuyết minh số 4).

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không nhằm phủ nhận ý kiến trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về vấn đề sau:

Tại thời điểm 31/12/2012, Công ty đang theo dõi khoản phải trả về cổ phần hóa đang trong giai đoạn chờ quyết toán với Cơ quan quản lý, số tiền 1.097.096.254 VND (chi tiết Thuyết minh số 12).



Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
DỊCH VỤ TƯ VẤN
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ
KIỂM TOÁN

Nguyễn Quốc Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: 0285/KTV
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2013

Phạm Anh Tuấn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0777/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.337.494.209	4.636.986.235
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	544.177.810	566.006.342
111 1. Tiền		544.177.810	566.006.342
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.743.880.371	4.067.569.833
131 1. Phải thu khách hàng		930.726.562	269.532.131
132 2. Trả trước cho người bán		47.274.880	47.274.880
135 5. Các khoản phải thu khác	4	4.074.629.455	4.061.875.348
139 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	5	(308.750.526)	(311.112.526)
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		49.436.028	3.410.060
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn		7.946.968	-
158 5. Tài sản ngắn hạn khác	6	41.489.060	3.410.060
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6.022.087.634	6.743.981.683
220 II. Tài sản cố định		6.022.087.634	6.743.981.683
221 1. Tài sản cố định hữu hình	7	5.447.992.497	6.169.886.546
222 - Nguyên giá		12.367.392.057	12.367.392.057
223 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(6.919.399.560)	(6.197.505.511)
230 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	574.095.137	574.095.137
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		11.359.581.843	11.380.967.918

3111
 CÔNG
 H NIỆ
 H VU
 CHINH
 KIỂM
 KIẾ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
300 A. NỢ PHẢI TRẢ		1.560.657.935	1.593.312.379
310 I. Nợ ngắn hạn		1.338.164.060	1.350.818.504
312 2. Phải trả người bán		43.216.386	43.216.386
313 3. Người mua trả tiền trước		-	-
314 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9	87.316.106	50.757.802
315 5. Phải trả người lao động		-	52.000.000
316 6. Chi phí phải trả	10	21.208.818	18.181.818
319 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	11	1.186.422.750	1.186.662.498
330 II. Nợ dài hạn		222.493.875	242.493.875
333 3. Phải trả dài hạn khác		222.493.875	242.493.875
400 B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		9.798.923.908	9.787.655.539
410 I. Vốn chủ sở hữu	12	9.798.923.908	9.787.655.539
411 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		14.153.978.337	14.153.978.337
416 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	6.864.068
417 7. Quỹ đầu tư phát triển		1.416.371.553	1.416.371.553
420 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(5.985.485.977)	(6.003.618.414)
421 11. Nguồn vốn đầu tư XDCB		214.059.995	214.059.995
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		11.359.581.843	11.380.967.918

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
5. Ngoại tệ các loại - USD		-	2.379,32

mm

Nguyễn Thị Minh Trang
Kế toán trưởng
Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2013

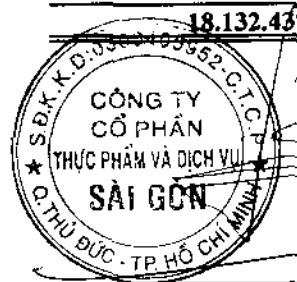
Đỗ Thành Duy
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

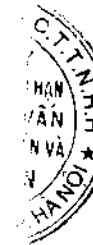
Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	13	2.912.508.500	3.342.312.425
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.912.508.500	3.342.312.425
11	4. Giá vốn hàng bán	14	1.381.137.544	1.381.137.544
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.531.370.956	1.961.174.881
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	15	21.977.234	10.615.948
22	7. Chi phí tài chính		-	22.610.000
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	22.610.000
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	16	1.535.215.753	1.886.781.929
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		18.132.437	62.398.900
31	11. Thu nhập khác		-	76.713.280
40	13. Lợi nhuận khác		-	76.713.280
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18.132.437	139.112.180
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	17	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>18.132.437</u>	<u>139.112.180</u>

Nguyễn Thị Minh Trang
Kế toán trưởng
Hà Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2013



Đỗ Thành Duy
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

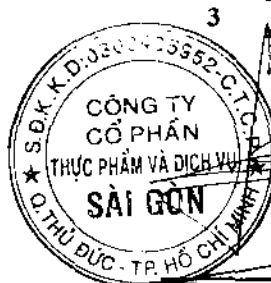
Năm 2012

Theo phương pháp trực tiếp

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		2.542.564.920	3.485.095.166
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(687.472.058)	(1.912.768.754)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(895.663.793)	(975.173.683)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		-	(22.610.000)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		-	(100.000.000)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		8.965.000	20.000.000
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.005.335.767)	(18.755.217)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(36.941.698)</i>	<i>475.787.512</i>
II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		15.104.109	10.615.948
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>15.104.109</i>	<i>10.615.948</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	350.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(350.000.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>		<i>(21.837.589)</i>	<i>486.403.460</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		566.006.342	75.099.207
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		9.057	4.503.675
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		<u>544.177.810</u>	<u>566.006.342</u>

mm

Nguyễn Thị Minh Trang
Kế toán trưởng
Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2013



Đỗ Thành Duy
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn tiền thân là Doanh nghiệp nhà nước "Công ty Thực phẩm Sài Gòn", được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 3873/QĐ-UBND ngày 23 tháng 08 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006791 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22 tháng 05 năm 2007 và sửa đổi lần thứ 8 ngày 24 tháng 05 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty tại số 216 Quốc lộ 1K, Phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 14.000.000.000 VND (Mười bốn tỷ đồng).

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 ngày 24 tháng 05 năm 2012, hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng các công trình đường bộ;
- Xây dựng các công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn nhiên liệu rawsm lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên ngành;
- Kinh doanh nhà ở, cho thuê kho, nhà xưởng, văn phòng và mặt bằng sân bãi;
- Mua bán và dịch vụ xuất khẩu lương thực, thực phẩm.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

1117
ÔNG
NHIỆM
VU T
INH KẾ
EM TO
TIÊM-

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.5 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	04 - 12 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

2.6 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.7 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.8 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.9 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ cuối kỳ liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán. Khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng, toàn bộ chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh được phân bổ dần vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính của các kỳ hoạt động kinh doanh tiếp theo với thời gian là không quá 05 năm.

2.10 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.11 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.12 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.



3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	32.785.897	18.624.437
Tiền gửi ngân hàng	511.391.913	547.381.905
	544.177.810	566.006.342

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	2.534.765.971	2.534.765.971
Quỹ lương chi vượt	1.362.319.853	1.357.319.853
- <i>Quỹ lương chi vượt sau cổ phần hoá</i>	5.000.000	-
- <i>Quỹ lương chi vượt trước cổ phần hoá</i>	1.357.319.853	1.357.319.853
Phải thu khác	177.543.631	169.789.524
- <i>Phải thu Lương Văn Lén về tiền khoản doanh thu năm 2006</i>	167.547.214	167.547.214
- <i>Phải thu cơ quan Bảo hiểm tiền bảo hiểm nộp thừa</i>	7.754.107	-
- <i>Phải thu khác</i>	2.242.310	2.242.310
	4.074.629.455	4.061.875.348

5 . DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu khách hàng	(103.609.631)	(105.971.631)
Trả trước cho người bán	(167.644.939)	(167.644.939)
Phải thu khác	(37.274.880)	(37.274.880)
Phải trả khác dư nợ	(221.076)	(221.076)
	(308.750.526)	(311.112.526)

6 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	41.489.060	3.410.060
	41.489.060	3.410.060

1110
 CÔNG TY
 CHIẾM HỮU
 VỤ TƯ
 KẾ TOÁN
 M TOÁN
 M-TP

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	11.309.001.382	1.011.612.675	46.778.000	12.367.392.057
Số dư cuối kỳ	<u>11.309.001.382</u>	<u>1.011.612.675</u>	<u>46.778.000</u>	<u>12.367.392.057</u>
Giá trị hao mòn				
Số dư đầu kỳ	5.840.002.564	313.476.962	44.025.985	6.197.505.511
Số tăng trong kỳ	513.699.990	313.969.410	6.604.849	834.274.249
- Khấu hao TSCĐ	513.699.990	201.589.210	6.604.849	721.894.049
- Tăng do phân loại lại	-	112.380.200	-	112.380.200
Số giảm trong kỳ	(107.976.972)	-	(4.403.228)	(112.380.200)
- Giảm do phân loại lại	(107.976.972)	-	(4.403.228)	(112.380.200)
Số cuối kỳ	<u>6.245.725.582</u>	<u>627.446.372</u>	<u>46.227.606</u>	<u>6.919.399.560</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	5.468.998.818	698.135.713	2.752.015	6.169.886.546
Tại ngày cuối kỳ	<u>5.063.275.800</u>	<u>384.166.303</u>	<u>550.394</u>	<u>5.447.992.497</u>
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng				<u>257.576.287</u>

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	574.095.137	574.095.137
Dự án Siêu thị kết hợp nhà ở	574.095.137	574.095.137
	<u>574.095.137</u>	<u>574.095.137</u>

9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	26.018.600	16.637.780
Thuế thu nhập cá nhân	42.911.911	15.734.427
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	18.385.595	18.385.595
	<u>87.316.106</u>	<u>50.757.802</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

10 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền công tác phí	3.027.000	-
Phí kiểm toán	18.181.818	18.181.818
	<u>21.208.818</u>	<u>18.181.818</u>

11 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	-	239.748
Phải trả về cổ phần hóa	1.097.096.254	1.097.096.254
Các khoản phải trả, phải nộp khác	89.326.496	89.326.496
- Công nợ cũ với Công ty CP DV- SX- XNK Bình Tây	73.913.222	73.913.222
- Các khoản phải trả khác	15.413.274	15.413.274
	<u>1.186.422.750</u>	<u>1.186.662.498</u>

12 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Xem chi tiết Phụ lục 1.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012	Tỷ lệ	01/01/2012	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (*)	5.757.978.337	40,68	5.753.978.337	40,65
Vốn góp của các đối tượng khác	8.396.000.000	59,32	8.400.000.000	59,35
- Do pháp nhân nắm giữ			2.136.600.000	15,10
- Do thể nhân nắm giữ	8.396.000.000	59,32	6.263.400.000	44,25
	<u>14.153.978.337</u>	<u>100,00</u>	<u>14.153.978.337</u>	<u>100,00</u>

(*): Theo Sổ cổ đông của Công ty Cổ phần Thực phẩm và Dịch vụ Sài Gòn số vốn góp của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước là 560.400 cổ phần tương ứng với tỷ lệ góp vốn là 40,03%. Số vốn góp của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước sẽ được điều chỉnh về đúng theo tỷ lệ trên Sổ cổ đông khi có quyết định phê duyệt quyết toán chuyển thể cuối cùng của UBND thành phố Hồ Chí Minh.

Và hiện nay số vốn 14.153.978.337 VND của Công ty được phản ánh dựa trên Biên bản quyết toán chuyển thể của Chi cục Tài chính Doanh nghiệp thành phố Hồ Chí Minh ngày 31 tháng 05 năm 2007.

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	14.153.978.337	13.519.759.857
- Vốn góp tăng trong năm	-	2.534.765.971
- Vốn góp giảm trong năm	-	(1.900.547.491)
- Vốn góp cuối năm	14.153.978.337	14.153.978.337

13 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.912.508.500	3.342.312.425
	<u>2.912.508.500</u>	<u>3.342.312.425</u>

14 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.381.137.544	1.381.137.544
	<u>1.381.137.544</u>	<u>1.381.137.544</u>

15 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.104.109	10.615.948
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	6.873.125	-
	<u>21.977.234</u>	<u>10.615.948</u>

16 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, dụng cụ	1.589.396	5.000.000
Chi phí nhân công	932.394.822	1.035.334.126
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.604.865	6.604.836
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	4.000.000
Chi phí dự phòng	(2.362.000)	311.112.526
Chi phí dịch vụ mua ngoài	589.062.670	506.930.441
Chi phí khác bằng tiền	4.926.000	17.800.000
	<u>1.535.215.753</u>	<u>1.886.781.929</u>

17 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	18.132.437	139.112.180
Các khoản điều chỉnh giảm	(18.132.437)	(139.112.180)
- <i>Lỗi từ các năm trước chuyển sang</i>	(18.132.437)	(139.112.180)
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	-	100.000.000
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	(100.000.000)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	-	-

18 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỶ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

19 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư Vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.



Nguyễn Thị Minh Trang
Kế toán trưởng
Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2013



Đỗ Thành Duy
Tổng Giám đốc



Phụ lục 1 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của CSH	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	13.519.759.857	2.360.393	1.416.371.553	352.263.882	(7.609.987.406)	214.059.995	7.894.828.274
Tăng theo Biên bản xác định giá trị phần vốn Nhà nước	2.534.765.971	-	-	-	1.467.256.812	-	4.002.022.783
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	139.112.180	-	139.112.180
Tăng khác	-	6.864.068	-	-	-	-	6.864.068
Giảm theo Biên bản xác định giá trị phần vốn Nhà nước	(1.900.547.491)	-	-	(352.263.882)	-	-	(2.252.811.373)
Giảm khác	-	(2.360.393)	-	-	-	-	(2.360.393)
Số dư cuối kỳ trước	14.153.978.337	6.864.068	1.416.371.553	-	(6.003.618.414)	214.059.995	9.787.655.539
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	18.132.437	-	18.132.437
Giảm khác	-	(6.864.068)	-	-	-	-	(6.864.068)
Số dư cuối kỳ này	14.153.978.337	-	1.416.371.553	-	(5.985.485.977)	214.059.995	9.798.923.908

Ghi chú:

Theo Biên bản xác định phần vốn nhà nước đến thời điểm quyết toán chuyển thể ngày 31 tháng 05 năm 2007 của Chi cục Tài chính Doanh nghiệp thành phố Hồ Chí Minh, số dư các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu của Công ty như sau:

- Nguồn vốn kinh doanh:	14.153.978.337
- Quỹ đầu tư phát triển	1.416.371.553
- Quỹ dự phòng tài chính:	-
- Lợi nhuận chưa phân phối	(1.784.409.885)
- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	214.059.995
	14.000.000.000

Do chưa có quyết định phê duyệt quyết toán chuyển thể của UBND thành phố Hồ Chí Minh nên Công ty trình bày số dư của các chi tiêu thuộc vốn chủ sở hữu theo đúng số được xác định theo Biên bản xác định phần vốn nhà nước nói trên mà chưa thực hiện bút toán điều chỉnh để trả số dư các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu về bằng không (0) và nguồn vốn kinh doanh về 14.000.000.000 VND.